

Số: 892/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 30 tháng 5 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng**  
**Công trình: Cầu Bản Đe (Sông Gâm) và đường kết nối Quốc lộ 34 – xã**  
**Quảng Lâm, xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*
- Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*
- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*
- Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;*
- Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;*
- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;*
- Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;*
- Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc chủ trương đầu tư dự án: Cầu Bản Đe (Sông Gâm) và đường kết nối Quốc lộ 34 – xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1234/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cầu Bản Đe (Sông Gâm) và đường kết nối Quốc lộ 34 – xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cầu Bản Đe (Sông Gâm) và đường kết nối Quốc lộ 34 – xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu: Nâng cao năng lực vận tải của các phương tiện vận chuyển trên tuyến đường. Kết nối giao thông thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế xã hội trong huyện Bảo Lâm nói riêng và tỉnh Cao Bằng nói chung, tạo liên kết với xã Du Tiến, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Phù hợp với nguyện vọng của nhân dân xã Quảng Lâm và Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm, rút ngắn thời gian và chi phí đi lại giữa các vùng với nhau; góp phần phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của địa phương, đồng thời có ý nghĩa quan trọng trong công tác an ninh quốc phòng của khu vực.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: Thiết kế với quy mô đường cấp  $V_{MN}$  theo TCVN 4054:2005 (châm chước tại các vị trí địa hình khó khăn).

Phạm vi, phương án xây dựng như sau:

a) Tổng chiều dài thiết kế công trình:  $L = 7.340,08m$ , gồm 02 đoạn:

- Đoạn 1: thiết kế cầu Bản Đe và đường hai đầu cầu.

+ Điểm đầu (Km0+000): nối vào đường Quốc lộ 34 tại Km76+800.

+ Điểm cuối (Km1+083,47): nối vào đường hiện trạng thuộc địa phận xã Quảng Lâm.

*Chiều dài thiết kế đoạn 1:  $L = 599,31m$ .*

- Đoạn 2: nối tiếp vào đường đã được đầu tư (khoảng Km14+680), chiều dài nghiên cứu, khảo sát:  $L = 7.325,0m$ ; chiều dài thiết kế  $L = 6.740,77m$ .

+ Điểm đầu (Km0+000): nối vào đường đã được đầu tư (khoảng Km14+680), thuộc địa phận xóm Sắc Ngà, xã Thạch Lâm. Điểm đầu thiết kế từ lý trình Km0+584,23.

+ Điểm cuối (Km7+325,00 khoảng Km22+00): nối vào đường hiện trạng, là ranh giới xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm và xã Du Tiến, huyện Yên Minh (tỉnh Hà Giang).



Chiều dài thiết kế đoạn 2:  $L = 6.740,77m$

b) Nền đường, mặt đường:

- Mặt cắt ngang thiết kế phù hợp với quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và được thiết kế theo từng đoạn phù hợp với chức năng của tuyến đường, cụ thể như sau:

+ Bề rộng nền đường:  $B_{nền} = 6,5m$ .

+ Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = 3,5m$ .

+ Bề rộng lề đường:  $B_{lề} = 2 \times 1,5m$  (trong đó có  $B_{lgc} = 2 \times 1,0m$  có kết cấu giống kết cấu mặt đường).

+ Dốc ngang mặt đường:  $i_{mặt} = 2-3\%$ .

+ Dốc ngang lề đường:  $i_{lề} = 4\%$ .

c) Độ dốc dọc lớn nhất:  $I_{dmax} = 10\%$ . (châm chước 13%)

d) Bán kính đường cong nằm tối thiểu:  $R_{min} = 30m$ . (châm trước  $R_{min} = 15m$ )

e) Vận tốc thiết kế:  $V_{tk} = 30 Km/h$ .

f) Tần suất thiết kế:  $P = 1\%$  đối với cầu Bản Đe;  $P = 4\%$  đối với nền, mặt đường.

g) Tải trọng thiết kế: HL93, tải trọng bộ hành  $300kg/m^2$  đối với cầu; H30-XB80 đối với đường.

h) Các công trình phụ trợ khác như tường chắn, công trình ATGT (cọc tiêu, biển báo, hộ lan tôn sóng...) được thiết kế đảm bảo với thiết kế định hình của Bộ GTVT và phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

i) Công trình thoát nước:

- Hệ thống công thoát nước ngang: thiết kế công tròn, công hộp để đảm bảo thoát nước, xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT, BTXM và đá hộc xây, tần suất lũ thiết kế  $P = 4\%$ ; tải trọng thiết kế H30-XB80.

- Rãnh dọc: rãnh hở hình thang  $120 \times 40 \times 40cm$  đối với nền đào là đất, rãnh tam giác  $120 \times 80 \times 40$  đối với nền đào có tỷ lệ đá  $> 60\%$ . Thiết kế rãnh gia cố áp dụng đoạn có độ dốc dọc  $\geq 6\%$  nền đất, thiết kế rãnh hình thang BTXM lắp ghép, kết cấu thành rãnh bằng các tấm BTXM M200 đúc sẵn lắp ghép, đáy rãnh bằng BTXM đổ tại chỗ M200 đá  $1 \times 2$  dày  $7cm$ .

k) Cầu trên tuyến: thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DUL, gồm có cầu bản và cầu dầm I DUL.

- Cầu Bản Đe: cầu gồm 3 nhịp  $3 \times 35m$  bằng BTCT DUL. Chiều dài toàn cầu tính đến đuôi móng  $L_{tc} = 116,30m$ . Bề rộng toàn cầu:  $B_{cầu} = 0,5 + 8,0 + 0,5 = 9,0m$ . Mặt cắt ngang mỗi nhịp gồm 4 dầm I, khoảng cách dầm  $a = 2,3m$ , chiều cao dầm  $h = 1,75m$ ; hệ dầm bố trí 5 dầm ngang; móng cầu có dạng móng chữ U, bằng BTCT đổ tại chỗ; trụ cầu thiết kế là dạng trụ cột tạo thanh mảnh, mỗi trụ có 2 cột đường kính  $D = 1,8m$ ; móng móng sử dụng móng cọc khoan nhồi đường kính



$D=1,0\text{m}$ , móng trụ sử dụng cọc khoan nhồi đường kính  $D=1.8\text{m}$ . Mặt cầu được bố trí liên tục nhiệt tại các vị trí trên trụ để tạo êm thuận. Lớp bê tông bản mặt cầu dày  $20\text{cm}$  được phun lớp phòng nước. Bố trí bản quá độ, khe co giãn, lan can, gờ cầu và hệ thống thoát nước trên cầu.

- Cầu bản (tại  $\text{Km}4+685,04$ ): khẩu độ  $L_0 = 6,0\text{m}$ , tải trọng thiết kế H30-XB80, tần suất thiết kế  $P = 4\%$ , áp dụng thiết kế định hình của Bộ GTVT, dạng cầu bản mố nhẹ, dầm bản BTCT M300# đá 1x2, lan can tay vịn bằng thép hình; móng mố, tường cánh, thân mố BTXM M250# đá 2x4, mũ mố cầu BTCT M250# đá 1x2; bản chuyển tiếp BTCT M250# đá 1x2.

1) Kết cấu mặt đường, lề đường:

- Đoạn 1: thiết kế mặt đường BTXM, tải trọng trục 10T, áp dụng quy trình 22TCN 223:1995, kết cấu mặt đường như sau:

*Kết cấu 1: mặt đường BTXM.*

+ Bê tông M300 đá 1x2 dày  $22\text{cm}$ .

+ Lót giấy dầu.

+ Móng trên CPĐD loại 1 dày  $16\text{cm}$ .

+ Lớp K98 dày  $30\text{cm}$  nền đắp hoặc xáo xới  $30\text{cm}$  trên nền đào đất.

*Kết cấu 1A: mặt đường láng nhựa - tăng cường, đoạn vượt nối cầu với QL.34.*

+ Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa  $4,5\text{kg}/\text{m}^2$ .

+ Tưới tấm bảm nhũ tương gốc axits, TC  $1\text{kg}/\text{m}^2$ .

+ Móng trên CPĐD loại 1 dày  $15\text{cm}$ .

+ Móng dưới + Bù vênh CPĐD loại 2 dày TB  $20\text{cm}$ .

- *Đoạn 2: Kết cấu 2 - Mặt đường bằng đá thải tận dụng trên tuyến.*

+ Mặt đường đá thải dày  $20\text{cm}$ .

+ Lớp K95 dày  $30\text{cm}$  nền đắp hoặc xáo xới  $30\text{cm}$  trên nền đào đất.

- Kết cấu lề đường:

+ Lề gia cố loại 1: gia cố mỗi bên rộng  $1,0\text{m}$  có kết cấu giống kết cấu mặt đường.

+ Lề gia cố loại 2: kết cấu BTXM M200 dày  $20\text{cm}$  áp dụng cho các đoạn có gia cố rãnh dọc.

+ Lề các vị trí còn lại đắp đất tự nhiên.

m) Đầu nối, giao cắt: thiết kế nút giao giản đơn và đầu nối cùng mức, vượt nối các đường giao dân sinh.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty TNHH tư vấn thiết kế công trình 136 và Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật E&R.



6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 12 ha.

7. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính:

- Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ.

- Nhóm dự án: nhóm B;

- Cấp công trình:

+ phần cầu: công trình cấp II;

+ Phần đường: công trình cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- **Tổng mức đầu tư: 80.000,000 triệu đồng.**

- Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư

+ Chi phí xây dựng:	62.424,492 triệu đồng.
+ Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng:	4.630,819 triệu đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	1.223,914 triệu đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.963,190 triệu đồng.
+ Chi phí khác:	2.075,633 triệu đồng.
+ Chi phí dự phòng:	4.681,952 triệu đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2021 - 2024.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách trung ương.

- Dự kiến bố trí vốn: năm 2021-2024.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: theo quy định hiện hành.

14. Các nội dung khác: theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và những nội dung đã ghi trong Điều 1 của Quyết định này, đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt; đảm bảo

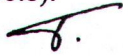
dự án hoàn thành đúng tiến độ, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc nhà nước Cao Bằng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CV: XD<sub>Tr</sub>;
- Lưu: VT, GT<sub>H</sub> (06.b).



**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**